

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thúy Lan và ông Trần Quốc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1981; trú tại: TDP N, phường C, thành phố S tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lăng Thị T, sinh năm 1982; trú tại: TDP N, phường C, thành phố S tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thanh H trình bày:

Anh H và chị Lăng Thị T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được, không tìm được tiếng nói chung. Đến nay đã sống ly thân được hơn 07 năm, không còn ai quan tâm chăm

sóc ai nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung, anh H trình bày vợ chồng có 02 con chung Phạm Thanh N, sinh ngày 22/8/2013 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/7/2016. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Minh N; giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh N. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn chị Lăng Thị T trình bày:

Chị T xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và ly thân như anh H trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, cãi vã, không thể chung sống được nữa. Nhưng chị T yêu cầu anh H phải có trách nhiệm hỗ trợ chị một khoản tiền là 100 triệu đồng để trang trải cuộc sống mới, thuê nhà ở sau khi ly hôn thì mới nhất trí ly hôn.

Về con chung, chị T trình bày vợ chồng có hai con chung là Phạm Thanh N, sinh ngày 22/8/2013 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/7/2016. Khi ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn mỗi tháng 3 triệu đồng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung chị T cũng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp liên quan đến người chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên. Tại đơn trình bày nguyện vọng của con, cả hai cháu là Phạm Thanh N và Phạm Minh N đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thành. Vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, anh H và chị T thống nhất thỏa thuận anh H hỗ trợ cho chị T số tiền 80.000.000 đồng (đã thanh toán xong 60.000.000 đồng) để chị T thuê nhà và lo chỗ ở sau khi ly hôn. Về con chung hai bên giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án do các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết

toàn bộ vụ án nên vụ án hoà giải không thành, Thẩm phán đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Thanh H, cho anh H ly hôn với chị T; Về con chung: Đề nghị giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng; Về tài sản và nợ chung: Xác định không có, không xem xét, giải quyết; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên về việc anh H thanh toán cho chị T số tiền 80 triệu đồng tiền công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân.

Về án phí: Anh Phạm Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Công, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 30/TLKH –BS ngày 11/11/2024 của UBND phường Cải Đan, thành phố Sông Công thì thấy anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H và chị T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh H nhưng ăn riêng. Khi về làm dâu chị T không mang theo tài sản riêng gì có giá trị ngoài đồ dùng cá nhân. Anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, chị T làm công nhân tại địa phương. Cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 7 – 8 năm. Gia đình hai bên nội ngoại nhiều lần động viên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Khoảng năm 2021- 2022 chị T đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn. Đến nay cả hai bên đều xác định tình

cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 3 năm 2025 chị T cùng hai con đã đi thuê nhà để ở, không còn sống cùng anh H.

Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp.

Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Phạm Thanh N, sinh ngày 22/8/2013 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/7/2016. Xét thấy cả hai con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Các con chung đều là con gái, đang độ tuổi dậy thì, có sự thay đổi lớn về tâm sinh lý. Anh H thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở nhà. Do đó để đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con là cháu Phạm Minh N mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Sau khi ly hôn, anh H vẫn có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh H và chị T đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

Tại phiên tòa, anh H và chị T tự nguyện thỏa thuận thanh toán cho nhau khoản tiền 80.000.000 đồng để bù đắp, hỗ trợ cho công sức đóng góp của chị T trong thời gian chung sống. Tại phiên tòa anh H đã thanh toán xong số tiền 60.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng sẽ thanh toán nốt trước ngày 10/5/2025. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[3] Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271, 273; 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 56, 58, 61, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/ 2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thanh H, cho anh Phạm Thanh H được ly hôn với chị Lăng Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con chung cho là Phạm Thanh N, sinh ngày 22/8/2013 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/7/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Thanh H có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Phạm Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh N mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản và nợ chung.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Thanh H và chị Lăng Thị T:

Anh Phạm Thanh H có trách nhiệm thanh toán cho chị Lăng Thị T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) tiền công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân (anh H đã thanh toán xong 60.000.000 đồng, anh H còn phải thanh toán tiếp 20.000.000 đồng).

Thời hạn thanh toán: Trước ngày 10/5/2025.

5. Về án phí: Anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000831 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh H, chị T, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp người được quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự;
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Sông Công;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Sông Công;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Lưu HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan

